THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 7/1
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Khoa Kim Anh	9.2	9.3	9.1	9.7	9.1	9.8	9.6	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Nguyễn Nhật Duy	6.7	7.0	7.2	7.1	7.7	8.4	8.4	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Lê Anh Đức	6.0	6.5	7.1	6.7	6.5	7.3	6.5	5.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Dương Phước Nam Hưng	9.2	8.5	9.5	8.8	9.5	9.9	9.6	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Nguyễn Đức Gia Hưng	6.5	7.2	8.6	8.0	7.0	9.0	8.4	6.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Vũ Chiếng Đăng Khôi	5.2	7.3	4.3	8.1	5.2	8.3	7.1	5.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đ**	**Tốt**
7	Nguyễn Hoàng Long	8.2	8.5	8.9	8.9	9.1	9.6	9.3	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Hà Nhật Minh	5.1	6.7	8.8	7.6	7.1	9.1	7.7	6.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Lê Minh	9.4	8.0	8.9	7.6	7.6	9.0	9.3	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Nguyễn Hữu Gia Minh	8.7	8.4	8.3	8.1	8.4	9.4	9.1	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Lê Bảo Nam	7.4	8.7	9.2	8.1	8.3	9.8	9.3	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Huỳnh Thanh Phong	7.6	8.0	6.4	8.5	8.9	8.5	9.1	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Trần Thiên Phúc	9.5	9.4	9.5	9.7	9.5	9.8	9.9	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Vũ Hồng Khánh Phương	7.5	8.1	7.6	9.1	8.5	8.6	7.7	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Nguyễn Hoàng Minh Quân	8.0	8.7	8.0	7.8	9.4	9.1	9.1	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Nguyễn Gia Quỳnh	7.3	9.4	8.4	8.8	8.4	9.7	9.1	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Nguyễn Hạo Thiên	8.9	8.9	9.0	7.7	8.4	9.5	8.7	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Ngô Thị Anh Thư	8.4	8.8	6.8	9.6	8.1	8.7	8.7	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Thu Vân	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 7/2
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Phùng Nguyễn Song An	8.8	8.5	9.7	9.1	9.4	9.5	9.3	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Nguyễn Dương Phương Anh	8.4	9.3	9.0	9.0	8.6	9.6	8.9	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Lương Bảo Châu	5.8	8.3	9.0	7.8	7.7	8.7	7.0	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Nguyễn Dương Minh Hòa	6.5	6.3	7.2	8.0	5.9	8.1	8.1	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Lý Nguyên Khang	8.6	8.5	8.8	9.4	9.9	9.7	9.7	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Nguyễn Đăng Khoa	5.9	5.7	8.1	5.7	7.4	7.3	8.1	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
7	Huỳnh Nhật Minh	4.8	5.3	8.6	7.4	7.0	7.4	7.1	5.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
8	Nguyễn Khánh Hà My	8.2	8.7	8.8	9.4	9.0	9.3	8.7	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Trần Nhã My	6.8	7.4	9.0	7.4	7.8	9.3	7.4	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Nguyễn Nguyễn	7.1	6.9	9.7	7.8	7.0	8.9	9.3	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Huỳnh Thanh Phong	8.5	8.6	8.7	8.6	9.2	9.4	9.5	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Phạm Xuân Phúc	7.3	8.3	8.7	8.2	9.2	8.6	9.1	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Trần Mỹ Quỳnh	6.6	8.0	7.8	8.5	7.6	9.5	9.2	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**K**	**Tốt**
14	Trần Thu Trân	9.7	9.4	9.2	10	9.9	9.6	9.8	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Võ Huyền Trân	9.7	9.4	9.5	9.9	9.3	9.9	10	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Trần Minh Tuyền	9.4	9.0	9.7	8.9	9.3	9.8	10	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Nguyễn Hữu Nhã Uyên	9.2	9.3	8.7	9.1	8.9	9.9	9.8	10	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Nguyễn Viết Bảo Viên	5.2	6.8	6.1	7.4	7.1	8.1	7.3	5.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Thu Vân	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 7/3
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Thân Thái An	8.2	9.0	8.8	8.9	8.7	9.6	9.6	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Trương Gia Bảo	4.9	7.9	6.6	7.1	7.1	8.8	8.1	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
3	Đào Ngân Giang	9.5	9.3	9.7	9.2	8.3	9.9	9.8	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Đặng Hương Giang	8.2	8.9	9.0	8.8	9.3	9.4	9.6	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Phạm Nguyễn Ngân Hà	7.6	7.9	7.2	8.0	6.6	8.6	9.2	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Hứa Xuân Long	9.7	8.8	8.4	9.1	9.0	9.6	10	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Lê Khánh My	8.4	9.3	8.3	8.7	9.0	9.5	9.2	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Mai Hoàng Bảo Ngân	7.1	9.7	9.1	9.3	9.1	9.7	9.4	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Khoa Nguyên	6.8	7.6	7.3	8.4	7.6	8.9	8.8	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Nguyễn Phúc Nguyên	5.5	7.3	8.2	8.1	7.1	8.4	8.1	6.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Nguyễn Trí Nhân	8.7	8.7	8.2	9.4	8.7	9.1	9.5	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Nguyễn Phương Nhi	5.2	7.4	7.1	7.0	6.5	8.0	8.3	6.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Đỗ Nguyễn Minh Quân	8.1	8.9	8.9	8.8	8.6	9.1	9.5	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Lê Nguyễn Anh Quân	8.1	7.7	9.1	7.7	7.8	9.8	9.3	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Trần Tố Quyên	8.8	8.6	9.0	9.1	8.4	9.2	9.7	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Châu Võ Ngọc Tâm	9.2	9.3	8.5	8.2	9.3	9.9	9.5	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Lê Nguyễn Hoàng Thiện	7.8	8.3	6.8	8.3	8.4	9.0	9.5	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Hoàng Bảo Trân	8.1	8.9	7.8	7.9	8.5	9.3	9.3	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Nguyễn Minh Trí	9.8	8.9	8.6	9.4	9.0	9.6	9.8	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
20	Nguyễn Phạm Phương Vy	6.1	8.1	7.5	8.7	8.2	8.9	8.3	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 7/4
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Shah Minh Trang Alisha	9.8	9.4	9.8	9.1	9.7	9.9	9.8	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Phạm Lê Quỳnh Anh	5.7	8.6	7.7	9.1	6.6	8.7	9.4	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Lê Thu Ba	7.4	8.8	8.7	8.1	8.5	9.2	8.7	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Trần Lê Duy	7.9	8.1	9.2	9.2	7.9	9.6	9.3	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Ngô Thisha Hân	9.7	9.2	9.7	9.8	9.6	10	10	10	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Phan Đại Hùng	5.1	6.9	7.0	8.2	7.1	8.4	8.2	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Lý Hưng Long	4.6	6.5	6.3	7.4	7.0	7.1	7.2	5.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
8	Phạm Hà Minh Long	9.4	9.1	8.8	8.7	8.0	8.7	10	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Vũ Thành Long	8.2	7.9	9.2	8.1	9.2	9.5	9.8	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Phạm Gia Mẫn	9.2	9.3	9.3	9.9	9.2	9.3	9.5	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Nguyễn Phạm Thuỳ Minh	5.6	7.7	8.3	7.8	6.1	9.3	8.2	5.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
12	Đỗ Lạc Khánh Ngân	9.1	8.4	9.0	9.0	8.3	9.6	9.2	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Trần Triều Thanh	9.4	8.9	9.8	9.9	9.3	9.9	9.9	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Dương Tiến Thành	6.2	7.6	7.3	8.4	7.3	8.7	8.3	6.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Nguyễn Phúc Thành	5.5	7.7	8.7	8.0	8.1	9.1	8.5	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Dương Quang Thịnh	5.6	7.6	6.0	7.7	5.2	7.1	8.3	5.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
17	Phạm Ngọc Khánh Vy	9.0	9.3	9.1	9.9	9.4	9.7	10	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Huỳnh Châu	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 7/5
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Đỗ Trần Duy An	9.1	8.3	9.0	8.7	9.0	9.6	9.1	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Lương Mỹ Anh	6.6	7.8	6.8	8.1	5.1	8.4	7.4	5.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Phạm Ngọc Khánh Châu	9.3	9.4	9.1	9.6	9.9	9.9	9.7	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Trần Trí Dũng	6.6	8.4	7.7	8.0	8.6	8.9	8.3	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Nguyễn Thành Đức	8.5	8.7	7.3	8.0	9.6	9.1	8.3	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Đinh Xuân Sơn Hải	8.8	7.8	9.6	8.1	8.7	8.9	9.2	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Voòng Khang Huy	6.9	8.6	9.1	8.4	8.2	9.1	8.6	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Nguyễn Khánh Linh	8.0	8.9	7.9	9.5	8.3	9.0	8.3	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Bảo Long	8.7	8.8	8.3	9.3	9.4	9.6	9.9	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Trần Hoàng Long	8.7	8.2	9.2	8.4	7.9	9.0	8.9	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Vũ Phúc Bảo Long	9.5	8.6	9.7	9.0	8.9	9.7	9.6	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Nguyễn Đức Minh	6.3	7.4	8.5	7.4	6.6	8.4	7.5	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Trần Bảo Ngọc	8.4	8.8	7.6	9.1	9.1	8.9	8.8	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Trần Nhã Ngọc	5.9	8.0	7.4	8.1	8.1	8.7	8.0	6.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Trần Huỳnh Anh Quân	5.0	7.7	7.4	8.6	8.7	7.9	8.3	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Trần Đình Mai Toàn	7.3	9.1	8.6	8.0	9.1	9.4	9.2	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Huỳnh Thị Thuỳ Trang	**Phan Thị Phương**	**Văn Thị Thiên Hà**